

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **1285**/UBNDT-CSDT


Hà Nội, ngày **15** tháng 9 năm 2021

V/v hướng dẫn triển khai thực hiện
Chương trình MTQG phát triển kinh
tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Văn bản số 4983/BNN-KTHT ngày 09/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban Dân tộc đã xây dựng dự thảo (lần 1) **Hướng dẫn thực hiện nội dung Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị của Tiểu dự án 3.2.1 thuộc Dự án 3 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025** (có dự thảo văn bản Hướng dẫn kèm theo).

Ủy ban Dân tộc kính gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBNDT (để b/c);
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu: VT, CSDT. **2**

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM




Lê Sơn Hải

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị của Tiểu dự án 3.2.1 thuộc Dự án 3 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025

(Kèm theo Công văn số ~~1286~~ 1286/UBNDT-CSDT ngày 15/9/2021

của Ủy ban Dân tộc)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan thực hiện có hiệu quả nội dung **Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị** của Tiểu dự án 3.2.1 thuộc Dự án 3 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Yêu cầu

- Hướng dẫn cụ thể về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, quy trình triển khai thực hiện; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đối với Tiểu dự án 3.2.1. Nội dung Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Văn bản hướng dẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật, có cơ sở khoa học và thực tiễn; tạo điều kiện cho quá trình tổ chức thực hiện được thuận lợi, linh hoạt, cải cách thủ tục hành chính; quản lý chặt chẽ có hiệu quả nguồn lực của nhà nước, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực hiện; hướng tới các mục tiêu Chương trình đã đề ra trong đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

2. Căn cứ pháp lý

Nội dung Hướng dẫn căn cứ các văn bản sau:

- Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

- Nghị định số ... /2021/NĐ-CP ngày ... /... / 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số ... QĐ-TTg ngày ... / ... /2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số ... /2021/QĐ-TTg ngày ... / ... /2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan thực hiện nội dung **Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị** của Tiểu dự án 3.2.1 thuộc Dự án 3 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

4. Đối tượng đầu tư, hỗ trợ và phạm vi thực hiện của Chương trình

a) Đối tượng đầu tư, hỗ trợ:

- Các hộ nghèo, cận nghèo, ưu tiên phụ nữ nghèo, phụ nữ làm chủ hộ, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) tham gia dự án đầu tư phát triển sản xuất.

- Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi tắt là HTX) tham gia dự án đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

b) Phạm vi, địa bàn thực hiện:

- Các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

5. Nguyên tắc chung

a) Đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất phải đáp ứng các nguyên tắc tại Điều 4 và khoản 1 Điều 20 Nghị định số... /2021/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất phải thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với Công tác dân tộc; phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp, thiết chế cộng đồng có ý nghĩa tích cực trong công tác phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đảm bảo các yếu tố thị trường, bình đẳng giới, giảm thiểu rủi ro do thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với năng lực và điều kiện của hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng của dự án.

c) Đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất phải được thực hiện thông qua các dự án. Ưu tiên triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống có giá trị kinh tế cao của đồng bào dân tộc thiểu số, các sản phẩm có tính vùng miền, đặc sản, đặc trưng, có lợi thế so sánh và các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, an toàn và phù hợp khác; phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên các dự án ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

- Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp...) thì thực hiện dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác...), người dân trong vùng dự án được tham gia và hưởng lợi từ dự án.

Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị thì nội dung đầu tư, hỗ trợ tập trung vào củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

- Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thì thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.

d) Tạo điều kiện thuận lợi tối đa theo quy định của pháp luật cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, người dân tham gia dự án.

e) Ban Dân tộc cấp tỉnh, Phòng Dân tộc cấp huyện, Ban Quản lý Chương trình cấp xã là cơ quan trực tiếp tham mưu cho Ủy ban nhân dân các cấp triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình tại địa phương, cơ sở.

6. Các loại dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất

- a) Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.
- b) Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng người dân đề xuất.
- c) Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ.
- d) Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo các hình thức khác.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DANH MỤC DỰ ÁN

1. Xây dựng kế hoạch đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất trung hạn (cả giai đoạn 5 năm) và hằng năm là một phần của xây dựng kế hoạch trung hạn (cả giai đoạn 5 năm) và hằng năm thực hiện Chương trình.

b) Quy trình, nội dung, phương pháp, thời gian xây dựng kế hoạch đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo quy trình xây dựng kế hoạch chung của Chương trình.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ban Dân tộc tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất ở địa phương; hướng dẫn cấp huyện, cấp xã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn.

2. Xây dựng danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất

Thực hiện xây dựng, phê duyệt danh mục các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất cho cả giai đoạn và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hằng năm.

a) Quy trình xây dựng danh mục các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

Căn cứ vào kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*) tiến hành tổ chức xây dựng và phê duyệt danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025, danh mục dự án phải được xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đề xuất của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Các bước thực hiện như sau:

Bước 1: Ban Dân tộc cấp tỉnh/Sở, ngành được giao phụ trách công tác dân tộc/Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh (*sau đây gọi tắt là Ban Dân tộc cấp tỉnh*) tổ chức thông báo kế hoạch xây dựng danh mục dự án phát triển sản xuất giai đoạn 2021 - 2025.

- Căn cứ vào điều kiện của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công Ban Dân tộc chủ trì tổ chức xây dựng danh mục các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025.

- Ban Dân tộc cấp tỉnh thông báo và yêu cầu các Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai xây dựng đề xuất danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021 - 2025 trên phạm vi huyện.

- Mẫu biểu đề xuất danh mục dự án/danh mục dự án được thực hiện theo Phụ lục 1.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo kế hoạch đến Ủy ban nhân dân cấp xã và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề xuất danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công Phòng Dân tộc/Cơ quan được giao phụ trách công tác dân tộc/Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 cấp huyện (*sau đây gọi tắt là Phòng Dân tộc cấp huyện*) chủ trì tổ chức xây dựng đề xuất danh mục dự án, làm đầu mối để thông báo đến cấp xã.

- Căn cứ vào điều kiện sản xuất, các liên kết chuỗi giá trị đã có, tiềm năng phát triển sản xuất trên địa bàn, nhu cầu của doanh nghiệp, HTX, các hộ gia đình và người dân trên địa bàn xã, thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức làm việc với các doanh nghiệp, HTX, trưởng thôn, hộ gia đình, người dân và các thành phần có liên quan khác để thống nhất các nội dung liên quan đến dự án, xây dựng đề xuất danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn xã, gửi văn bản và biểu mẫu kèm theo về Phòng Dân tộc cấp huyện (trong đó xác định: tên dự án, hình thức dự án đầu tư, hỗ trợ, mục tiêu, nội dung chính, phạm vi thực hiện, chủ đầu tư), mẫu biểu đề xuất danh mục dự án thực hiện theo Phụ lục 1.

Bước 3: Xây dựng đề xuất danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất cấp huyện

- Phòng Dân tộc cấp huyện tổng hợp danh mục dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất, lồng ghép các dự án có cùng loại sản phẩm để hình thành các dự án có quy mô, phạm vi trên nhiều xã.

- Phòng Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức cuộc họp đánh giá, lựa chọn đề xuất danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất đủ điều kiện trên địa bàn cấp huyện, thành phần tham gia cuộc họp, bao gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các phòng, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan.

Căn cứ để đánh giá, lựa chọn các dự án như sau:

- + Thực trạng và điều kiện về sản xuất (tư liệu sản xuất, các nguồn lực sản xuất của các hộ gia đình và các bên liên quan).

+ Khả năng về tổ chức sản xuất và tiềm năng của sản phẩm: tổ chức sản xuất hiện có, lợi thế về chất lượng sản phẩm, khả năng cải thiện năng lực sản xuất, nâng cấp quy trình sản xuất.

+ Tiềm năng về thị trường, khả năng về hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập.

+ Khả năng và năng lực của tác nhân thị trường: sự sẵn sàng và năng lực hoạt động của doanh nghiệp, HTX tham gia vào chuỗi giá trị, khả năng tiếp cận và phát triển thị trường về sản phẩm của các tổ chức này.

+ Mức độ tác động đến môi trường, sức khỏe con người.

+ Mức độ phù hợp với các nguyên tắc và quy định khác của Chương trình.

- Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan và kết luận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tại cuộc họp đánh giá và lựa chọn đề xuất danh mục dự án, Phòng Dân tộc cấp huyện tổng hợp, hoàn thiện đề xuất danh mục dự án theo biên bản cuộc họp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện văn bản kèm theo biểu đề xuất danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất gửi về Ban Dân tộc cấp tỉnh (trong đó xác định: tên dự án, hình thức dự án hỗ trợ, mục tiêu, nội dung chính, phạm vi thực hiện, chủ đầu tư) mẫu biểu đề xuất danh mục dự án thực hiện theo Phụ lục 1.

Bước 4: Xây dựng và phê duyệt danh mục dự án trên địa bàn cấp tỉnh

- Trên cơ sở danh mục dự án phát triển sản xuất của cấp huyện đề xuất, Ban Dân tộc cấp tỉnh tổng hợp, lồng ghép và xem xét lựa chọn các dự án có cùng loại sản phẩm của các huyện để hình thành dự án có phạm vi nhiều huyện.

- Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức cuộc họp đánh giá, lựa chọn danh mục dự án đủ điều kiện trên địa bàn toàn tỉnh, thành phần tham gia cuộc họp bao gồm: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đại diện các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan, căn cứ đánh giá thực hiện như **Bước 3**. Tại cuộc họp Ban Dân tộc cấp tỉnh báo cáo về tình hình xây dựng danh mục dự án và đề xuất dự thảo lựa chọn danh mục các dự án.

Trên cơ sở ý kiến thảo luận của các thành phần liên quan và kết luận của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại cuộc họp, Ban Dân tộc cấp tỉnh hoàn thiện danh mục các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất đủ điều kiện triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo biên bản cuộc họp (trong đó xác định rõ: tên dự án, hình thức dự án đầu tư, hỗ trợ, mục tiêu, nội dung chính, phạm vi thực hiện, chủ đầu tư) mẫu biểu danh mục dự án thực hiện theo Phụ lục 1.

Bước 5: Phê duyệt danh mục dự án cấp tỉnh

Trên cơ sở kết quả thực hiện tại **Bước 4** (theo biên bản cuộc họp) Ban Dân tộc cấp tỉnh thực hiện các nội dung sau:

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025 do cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về danh mục các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất đủ điều kiện triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025; giao Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh mục dự án trên địa bàn cấp huyện.

Bước 6: Phê duyệt danh mục dự án trên địa bàn cấp huyện

Trên cơ sở văn bản thông báo danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất đủ điều kiện tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn huyện do cấp huyện và cấp xã làm chủ đầu tư.

b) Quy định về điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung danh mục các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu, định hướng và sự phát triển hoạt động sản xuất tại địa phương, danh mục các dự án phát triển sản xuất có thể được sửa đổi, điều chỉnh, thay thế hoặc bổ sung thêm.

Quy trình thực hiện như sau:

- Xây dựng bổ sung thêm danh mục dự án hàng năm: Được thực hiện theo quy trình xây dựng và phê duyệt danh mục dự án.

- Trường hợp điều chỉnh, sửa đổi danh mục dự án:

+ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi danh mục dự án cấp xã làm chủ đầu tư; Phòng Dân tộc cấp huyện tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt sửa đổi, điều chỉnh danh mục dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư.

Sau khi điều chỉnh, sửa đổi danh mục dự án, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh, sửa đổi danh mục dự án.

Riêng điều chỉnh danh mục dự án từ hình thức Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị sang hình thức Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xin ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ban Dân tộc cấp tỉnh tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh danh mục dự án cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

- Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo Ủy ban Dân tộc danh mục dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021 -

2025; báo cáo việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hằng năm để tổng hợp, theo dõi và chỉ đạo thực hiện.

III. QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là hình thức hỗ trợ theo dự án để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất do doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hiệp hội ngành nghề, hộ sản xuất - kinh doanh, tổ chức, cá nhân đề xuất để hợp tác với các hộ, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân khác nhằm thực hiện phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị chủ lực và tiềm năng của địa phương.

1. Chủ đầu tư, chủ trì dự án

a) Chủ đầu tư

- Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất có hoạt động sản xuất sản phẩm trong phạm vi một xã. Căn cứ vào tình thực tế, trường hợp Ủy ban nhân dân xã không đủ năng lực làm chủ đầu tư dự án thì Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi nhiều xã thuộc một huyện (Ủy ban nhân dân huyện giao cơ quan chuyên môn là Phòng Dân tộc trực tiếp triển khai, thực hiện).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét lựa chọn dự án phù hợp giao Ban Dân tộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư đối với các dự án có phạm vi hoạt động sản xuất trên nhiều huyện trong tỉnh.

b) Chủ trì dự án

Chủ trì dự án là các tổ chức nghiên cứu - tư vấn, đơn vị sự nghiệp hoặc chủ trì liên kết sản xuất được các bên liên kết sản xuất khác trong dự án thống nhất, bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực. Ưu tiên doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ trì liên kết làm chủ trì dự án.

2. Điều kiện đầu tư, hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Đáp ứng các yêu cầu theo nguyên tắc chung.

b) Dự án do các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất - kinh doanh (được gọi là chủ trì liên kết) có đăng ký hoạt động hợp pháp xây dựng và đề xuất để hợp tác với các tổ chức, cá nhân (được gọi là bên liên kết) là người dân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình tham gia dự án.

c) Dự án phải xác định được kết quả đầu ra gắn với thực hiện các chỉ số nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn thực hiện dự án theo lộ trình kế hoạch hằng năm và thời điểm kết thúc dự án.

d) Có sự cam kết (bằng Hợp đồng) trong đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, thu mua, tiêu thụ sản phẩm cho các bên liên kết tham gia thực hiện các hoạt động trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Có hợp đồng (hoặc biên bản) hợp tác về cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến giữa chủ trì liên kết và các bên liên kết.

đ) Tối thiểu 50% phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình tham gia dự án.

e) Dự án phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình theo quy định của từng địa phương, trong đó, tỷ lệ tham gia liên kết của người dân thuộc hộ nghèo không dưới 60%, hộ cận nghèo không dưới 20% (trường hợp không có đủ số hộ cận nghèo thì tăng thêm số hộ nghèo), hộ dân tộc thiểu số là đối tượng hộ khác không quá 20% tổng số hộ tham gia dự án; ưu tiên hộ có tỉ lệ phụ nữ cao, chủ hộ là phụ nữ; số hộ tham gia dự án năm thứ nhất tối thiểu 30 hộ/xã khu vực III, 07 hộ/thôn đặc biệt khó khăn, hằng năm tăng thêm tối thiểu từ 20% đến 30% số hộ tham gia dự án so với năm thứ nhất (trường hợp không đủ số hộ tham gia dự án theo quy định thì chủ đầu tư quyết định số hộ tham gia dự án nhưng phải đảm bảo: tỉ lệ % số hộ nghèo, cận nghèo và hộ dân tộc thiểu số là đối tượng hộ khác tham gia dự án theo quy định).

3. Mức đầu tư, hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Đầu tư, hỗ trợ tối đa không quá 60% tổng chi phí dự án và không vượt quá 10 tỷ đồng thực hiện dự án trên địa bàn các thôn, bản đặc biệt khó khăn, các xã khu vực III. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định theo tỷ lệ người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số tham gia dự án. Phần còn lại do các bên tham gia liên kết đối ứng.

Định mức đầu tư, hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án và định mức chi các nội dung đầu tư, hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Phương thức hỗ trợ:

- Áp dụng phương thức hỗ trợ sau đầu tư cho chủ trì liên kết đối với dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có chủ trì liên kết là các doanh nghiệp.

- Áp dụng hỗ trợ sau đầu tư hoặc hỗ trợ trước đầu tư cho chủ trì liên kết đối với dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có chủ trì liên kết là hợp tác xã, hộ sản xuất - kinh doanh trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành của dự án theo lộ trình thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Chủ trì liên kết làm đầu mối tiếp nhận vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các hoạt động dự án, thanh toán cho các bên liên kết theo hợp đồng liên kết.

4. Nội dung đầu tư, hỗ trợ từ nguồn vốn Chương trình

a) Nội dung hỗ trợ bên liên kết

- Chi phí tập huấn kỹ thuật sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, quản lý chất lượng sản phẩm; khuyến khích phương pháp tập huấn lớp học hiện trường, tập huấn theo chu kỳ sản xuất, nuôi trồng, khai thác sản phẩm.

- Vật tư, giống cây trồng, vật nuôi tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, nuôi trồng, khai thác sản phẩm.

- Trang thiết bị phục vụ chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản.

- Chứng nhận chất lượng.

- Các nội dung hỗ trợ đặc thù khác theo quy định của từng địa phương nhưng không trái với các quy định của pháp luật liên quan.

b) Hỗ trợ chủ trì liên kết

- Chi phí xây dựng chuỗi liên kết, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết; phương án và kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra trong chuỗi liên kết.

- Tập huấn nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Một phần chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; hỗ trợ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm

- Hỗ trợ thông qua vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án

a) Xây dựng hồ sơ đề nghị dự án

- Chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của từng địa phương.

- Hồ sơ đề xuất phải bao gồm: Đơn đề nghị; nội dung, kế hoạch thực hiện dự án (thuyết minh dự án); bản sao công chứng hợp đồng (hoặc biên bản) liên kết ký kết giữa chủ trì liên kết và bên liên kết; văn bản cam kết của chủ trì liên kết thực hiện điều kiện hỗ trợ các bên liên kết theo quy định tại khoản 2, mục III.

- Nội dung, kế hoạch thực hiện dự án (thuyết minh dự án) phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 mục III; năng lực của chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; dự toán chi tiết, dự toán chi tiết phân kỳ thực hiện theo năm, nội dung hỗ trợ cho bên

liên kết; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; phân tích chi phí - lợi ích chứng minh hiệu quả tài chính của dự án; nội dung khác theo quy định của từng địa phương.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị dự án

- Thẩm định hồ sơ đề nghị dự án thông qua Hội đồng đồng thẩm định. Thành phần Hội đồng phải bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp được phân cấp chủ đầu tư; chuyên gia độc lập có trình độ chuyên môn theo ngành, lĩnh vực; đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực theo Chương trình và các thành phần khác theo quy định của từng địa phương. Cơ quan chuyên môn giúp việc cho Hội đồng là cơ quan quản lý nhà nước phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia ở địa phương; cơ quan đầu tư, tài chính; các cơ quan khác có liên quan do chủ đầu tư quyết định.

- Trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị thực hiện dự án theo quy định của từng địa phương.

- Ban Dân tộc tỉnh tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định về trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; hướng dẫn tổ chức thực hiện tại địa phương.

c) Phê duyệt dự án

- Ủy ban nhân dân cấp được phân cấp phê duyệt dự án trước thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

- Nội dung quyết định dự án phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 mục III; tổng chi phí dự án và cơ cấu từng nguồn vốn; mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến hiệu quả của dự án; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác theo quy định của địa phương.

6. Tổ chức thực hiện dự án

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị được giao nguồn vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu và làm các thủ tục thanh toán cho chủ trì liên kết theo mốc thời gian thực hiện dự án và phương thức hỗ trợ được phê duyệt.

Khi tiến hành nghiệm thu hoàn thành dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thành lập hội đồng nghiệm thu dự án, mời cơ quan chuyên môn quản lý Chương trình cấp trên tham gia (trước thời điểm tổ chức nghiệm thu 5 ngày làm việc), trường hợp đại diện cơ quan chuyên môn cấp trên vắng mặt, chủ đầu tư dự án chủ động nghiệm thu theo kế hoạch.

b) Chủ trì liên kết, chủ trì dự án và các bên liên kết chủ động thực hiện dự án theo tiến độ và nội dung được phê duyệt.

IV. QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT DO CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DÂN ĐỀ XUẤT

Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng người dân đề xuất: Là hình thức đầu tư, hỗ trợ theo dự án để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (bao gồm cả sản xuất nông nghiệp, ngành nghề, dịch vụ) do các nhóm hộ, tổ hợp tác thành lập tự nguyện hoặc do nhóm hộ, tổ hợp tác do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện, hoặc thôn, bản được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực.

1. Chủ đầu tư và chủ trì dự án

a) Chủ đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất. Căn cứ vào tình thực tế, trường hợp Ủy ban nhân dân xã không đủ năng lực làm chủ đầu tư dự án thì Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

b) Chủ trì dự án: Là đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác (sau đây gọi là tổ hợp tác), tổ chức chính trị - xã hội, thôn, bản; các chuyên gia, các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực được người dân trong tổ, nhóm và Ủy ban nhân dân xã chấp thuận. Ưu tiên người có uy tín trong cộng đồng làm kinh tế giỏi làm chủ trì dự án.

2. Điều kiện đầu tư, hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Đáp ứng các yêu cầu theo nguyên tắc chung.

b) Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân khác.

c) Ưu tiên hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc sản, truyền thống, có tính vùng miền, có lợi thế so sánh và tiềm năng phát triển, có giá trị kinh tế cao ở địa phương.

d) Có hợp đồng cam kết tiêu thụ sản phẩm với các đối tác.

e) Cộng đồng người dân đề xuất dự án hỗ trợ phát triển sản xuất là tổ hợp tác thành lập tự nguyện hoặc do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện hoặc thôn, bản (hoặc tương đương) được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực.

g) Người đại diện của tổ hợp tác người dân là người có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi, do cộng đồng người dân bầu chọn, ưu tiên đội ngũ người có uy tín.

h) Dự án phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của từng địa phương, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo tham gia dự án không dưới 60%, hộ cận nghèo không dưới 20% (trường hợp không có đủ số hộ cận nghèo thì tăng thêm

số hộ nghèo), hộ dân tộc thiểu số là đối tượng hộ khác không quá 20% tổng số hộ tham gia dự án; ưu tiên hộ có tỉ lệ phụ nữ cao, chủ hộ là phụ nữ; số hộ tham gia dự án tối thiểu 30 hộ/xã khu vực III, 07 hộ/thôn đặc biệt khó khăn; hằng năm tăng thêm tối thiểu từ 20% đến 30% số hộ tham gia dự án so với năm thứ nhất (trường hợp không đủ số hộ tham gia dự án theo quy định thì chủ đầu tư quyết định số hộ tham gia dự án nhưng phải đảm bảo: tỉ lệ % số hộ nghèo, cận nghèo và hộ dân tộc thiểu số là đối tượng hộ khác tham gia dự án theo quy định).

i) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động và tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

3. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Hỗ trợ tối đa không quá 90% tổng chi kinh phí dự án và không quá 01 tỷ đồng thực hiện dự án trên địa bàn thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phần đối ứng từ người dân là các chi phí được tính bằng tiền mặt hoặc ngày công, hiện vật được quy đổi thành tiền.

Định mức đầu tư, hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án và định mức chi các nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Phương thức hỗ trợ

- Áp dụng hỗ trợ sau đầu tư hoặc hỗ trợ trước đầu tư theo quy định của từng địa phương và được xác định trong quyết định phê duyệt dự án của cơ quan có thẩm quyền.

- Áp dụng cơ chế thu hồi một phần vốn hỗ trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) để luân chuyển trong cộng đồng. Tỷ lệ thu hồi phần vốn hỗ trợ và trình tự thu hồi, luân chuyển, cách thức quản lý vốn thu hồi, luân chuyển thực hiện theo quy định của từng địa phương.

- Đại diện tổ nhóm cộng đồng do người dân bầu chọn làm đầu mối tiếp nhận vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các hoạt động dự án.

4. Nội dung đầu tư, hỗ trợ kinh phí từ Chương trình

a) Chi phí xây dựng dự án, xây dựng tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

b) Chi phí tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, khuyến khích phương pháp tập huấn lớp học hiện trường, tập huấn theo chu kỳ sản xuất, nuôi trồng, khai thác.

c) Công cụ, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản; nhà xưởng, vật tư sản xuất.

d) Cây giống, con giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm theo hình thức trực tiếp.

d) Hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

e) Các hỗ trợ khác phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu, nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của pháp luật.

5. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án

a) Xây dựng hồ sơ đề nghị dự án

- Cộng đồng người dân xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, cử người đại diện làm Chủ trì dự án gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hồ sơ đề nghị phải bao gồm: đơn đề nghị; nội dung, kế hoạch thực hiện dự án (thuyết minh dự án); biên bản họp của cộng đồng người dân; chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ hợp tác (tên tổ nhóm, số thành viên, danh sách thành viên, địa chỉ, thông tin về người đại diện tổ nhóm).

- Nội dung, kế hoạch thực hiện dự án (thuyết minh dự án) phải làm rõ: việc đáp ứng các điều kiện tại khoản 2 mục IV; đề xuất phương thức hỗ trợ tại khoản 3 mục IV; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án (phần đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm); kết quả thực hiện dự án; dự kiến về tỷ lệ, thời gian và hình thức thu hồi một phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến cách thức quản lý và quay vòng trong cộng đồng sau khi thu hồi; nội dung khác theo quy định của địa phương.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị dự án

- Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án. Thành phần tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án bao gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm Tổ trưởng, công chức chuyên môn phụ trách Chương trình, các công chức khác có liên quan hoặc thuê chuyên gia có trình độ chuyên môn làm thành viên.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không thành lập được tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định hồ sơ đề nghị dự án.

- Trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị thực hiện dự án thực hiện theo quy định của từng địa phương.

- Ban Dân tộc tỉnh tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định về trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng người dân đề xuất; hướng dẫn tổ chức thực hiện tại địa phương.

c) Phê duyệt dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát

triển sản xuất do cộng đồng người dân đề xuất.

6. Tổ chức thực hiện dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng với chủ trì dự án là đại diện tổ nhóm cộng đồng; hướng dẫn, giám sát, nghiệm thu và thực hiện các thủ tục giải ngân theo mốc thời gian thực hiện dự án và phương thức hỗ trợ được phê duyệt.

Khi tiến hành nghiệm thu hoàn thành dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thành lập hội đồng nghiệm thu dự án, mời cơ quan chuyên môn quản lý Chương trình cấp trên tham gia (trước thời điểm tổ chức nghiệm thu 5 ngày làm việc), trường hợp đại diện cơ quan chuyên môn cấp trên vắng mặt, chủ đầu tư dự án chủ động nghiệm thu theo kế hoạch.

b) Chủ trì dự án cùng với cộng đồng dân cư chủ động thực hiện dự án theo nội dung, tiến độ được phê duyệt.

V. QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CƠ CHẾ ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ

Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ là hình thức đầu tư, hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các tổ chức có năng lực phù hợp để hỗ trợ các hộ, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác trong thực hiện hoạt động phát triển sản xuất đặc thù và cấp bách thuộc Chương trình.

1. Chủ đầu tư và chủ trì dự án

a) Chủ đầu tư dự án: Là cơ quan được giao nguồn vốn thực hiện các hoạt động đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình.

b) Chủ trì dự án: Là cơ quan nhận đặt hàng, giao nhiệm vụ.

2. Điều kiện đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Đáp ứng các yêu cầu theo nguyên tắc chung.

b) Dự án được thực hiện nhằm hỗ trợ người dân ở địa thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, năng lực cộng đồng người dân không đáp ứng được các điều kiện để tự thực hiện dự án hoặc tham gia dự án liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh; các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, cấp bách khác phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình theo quy định của từng địa phương.

c) Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức đầu tư, hỗ trợ theo dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân khác; đã xem xét khả năng

áp dụng hình thức hỗ trợ theo dự án do tổ nhóm cộng đồng đề xuất và thực hiện nhưng không huy động được sự tham gia của cộng đồng.

d) Tối thiểu 70% phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình tham gia dự án, trong đó ưu tiên các hộ nghèo, cận nghèo, hộ bị thiệt hại và ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh cần được giúp đỡ khẩn cấp. Tỷ lệ cụ thể thành phần tham gia dự án do chủ đầu tư quyết định nhưng số hộ người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh cần được giúp đỡ khẩn cấp tham gia không quá 30% tổng số hộ.

đ) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phải thuộc danh mục dự án được thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ do các cơ quan chủ quản chương trình ở trung ương và địa phương ban hành.

3. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Hỗ trợ kinh phí thực hiện một dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

Định mức đầu tư, hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án và định mức chi các nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Áp dụng phương thức hỗ trợ sau đầu tư, hoặc hỗ trợ trước đầu tư trực tiếp cho bên nhận đặt hàng, giao nhiệm vụ.

4. Nội dung hỗ trợ từ nguồn vốn Chương trình

a) Nội dung đầu tư, hỗ trợ cộng đồng người dân thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 4, mục III.

b) Nội dung đầu tư, hỗ trợ đơn vị nhận đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 4, mục III.

5. Lựa chọn đơn vị nhận giao nhiệm vụ và quyết định giao nhiệm vụ

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được giao nguồn vốn thực hiện các hoạt động đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình (được gọi là cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ) quyết định lựa chọn đơn vị nhận và quyết định nội dung giao nhiệm vụ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình.

b) Điều kiện xác định đơn vị được giao nhiệm vụ:

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan giao nhiệm vụ phải có chức năng, nhiệm vụ thực hiện các dịch vụ công liên quan đến hoạt động nghiên cứu, tổ chức phát triển sản xuất.

- Đơn vị sự nghiệp công lập phải có đủ năng lực về cơ sở vật chất, đội ngũ

chuyên gia kỹ thuật, cán bộ hỗ trợ thực hiện dự án phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất.

6. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án

a) Xây dựng danh sách các đơn vị nhận đặt hàng:

- Cơ quan đặt hàng quyết định danh sách đơn vị đủ điều kiện nhận đặt hàng thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Đơn vị nhận đặt hàng là các đơn vị sự nghiệp công, các tổ chức khoa học - công nghệ, nghiên cứu, tư vấn, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, các hội nghề nghiệp và các tổ chức hợp pháp khác; có đủ năng lực về cơ sở vật chất, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật, cán bộ hỗ trợ thực hiện dự án phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Xây dựng hồ sơ đề xuất dự án

- Cơ quan đặt hàng thông báo thông tin đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong danh sách đơn vị nhận đặt hàng để mời xây dựng hồ sơ dự án.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được thông báo xây dựng hồ sơ đề xuất dự án gửi cơ quan đặt hàng.

- Nội dung đề xuất dự án phải làm rõ: số lượng, khối lượng, chỉ tiêu đo lường mức độ thực hiện nhiệm vụ; thời gian triển khai và thời gian hoàn thành; phương án huy động sự tham gia của các hộ, tổ nhóm hộ thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình tham gia dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án được phân kỳ theo năm; phương án bồi hoàn trong trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ theo tiến độ phê duyệt; nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan đặt hàng.

c) Thẩm định hồ sơ đề nghị và phê duyệt dự án

- Cơ quan đặt hàng thẩm định hồ sơ đề nghị và phê duyệt dự án.

- Trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị và phê duyệt dự án thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản Chương trình.

- Ban Dân tộc tỉnh tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định về trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ; hướng dẫn tổ chức thực hiện tại địa phương.

7. Tổ chức thực hiện

a) Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ (chủ đầu tư dự án) ký hợp đồng với bên nhận đặt hàng, giao nhiệm vụ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và thực hiện các thủ tục giải ngân theo mốc thời gian thực hiện, phương thức hỗ trợ đã được phê duyệt.

Khi tiến hành nghiệm thu hoàn thành dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm

thành lập hội đồng nghiệm thu dự án, mời cơ quan chuyên môn quản lý Chương trình cấp trên tham gia (trước thời điểm tổ chức nghiệm thu 5 ngày làm việc), trường hợp đại diện cơ quan chuyên môn cấp trên vắng mặt, chủ đầu tư dự án chủ động nghiệm thu theo kế hoạch.

b) Bên nhận đặt hàng, giao nhiệm vụ (chủ trì dự án) chủ động thực hiện dự án theo tiến độ và nội dung được phê duyệt.

VI. QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO HÌNH THỨC KHÁC

Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo hình thức khác: Là các hình thức đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo dự án phù hợp với nội dung hỗ trợ của Chương trình có tính đặc trưng, các dự án thí điểm, dự án mẫu, dự án chỉ đạo điểm do cơ quan chủ trương trình, cơ quan chủ quản dự án, tiểu dự án thành phần tại trung ương quản lý, tổ chức thực hiện.

1. Chủ đầu tư và chủ trì dự án

a) Chủ đầu tư dự án: Là chủ chương trình, chủ dự án thành phần các bộ, cơ quan trung ương được giao thực hiện các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Chủ trì dự án: Là tổ chức, cá nhân có đủ năng lực do chủ đầu tư quyết định.

2. Xác định hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất khác

Hoạt động phát triển sản xuất do chủ chương trình, chủ dự án thành phần, các bộ, cơ quan trung ương quản lý, tổ chức thực hiện nhằm thí điểm các mô hình phát triển sản xuất mới, có tính sáng tạo, đột phá để làm cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm để thực hiện ở quy mô rộng rãi; các dự án, mô hình thí điểm trong triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sản xuất thuộc nội dung, phạm vi thực hiện của Chương trình; các dự án, mô hình gắn phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh.

3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng/dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp cho các hộ gia đình, tổ nhóm cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình tham gia dự án; nội dung hỗ trợ phù hợp với nội dung hỗ trợ của Chương trình.

c) Áp dụng phương thức hỗ trợ trước đầu tư hoặc sau đầu tư; khuyến khích sự đóng góp nguồn vốn thực hiện dự án từ các tổ chức, cá nhân, cộng đồng người dân hưởng lợi.

4. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án

Chủ chương trình, chủ dự án thành phần các bộ, cơ quan trung ương được giao thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất xây dựng, phê duyệt và tổ chức triển khai dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất khác phù hợp với nội dung Chương trình.

VII. NGUỒN VỐN VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

1. Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương

Ngân sách trung ương: Đầu tư, hỗ trợ bình quân 450 triệu đồng/xã khu vực III/năm, 75 triệu đồng trên thôn đặc biệt khó khăn/năm (không bao gồm các địa phương đã được Chương trình xác định sử dụng nguồn ngân sách địa phương).

2. Nguồn vốn từ ngân sách địa phương

a) Các địa phương được giao tự chủ nguồn vốn để thực hiện Chương trình bố trí đảm bảo tối thiểu mức đầu tư, hỗ trợ bình quân 450 triệu đồng/xã khu vực III/năm, 75 triệu đồng trên thôn đặc biệt khó khăn/năm để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể về nhiệm vụ chính trị, nguồn lực của địa phương và yêu cầu của các dự án phát triển sản xuất, các địa phương chủ động bố trí nguồn vốn đối ứng phù hợp để thực hiện các dự án có hiệu quả cao nhất.

3. Lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, các địa phương chủ động thực hiện huy động và lồng ghép các nguồn vốn nhằm sử dụng nguồn vốn có hiệu quả cao nhất.

a) Lồng ghép các nguồn vốn đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong Chương trình, để đầu tư, hỗ trợ thực hiện một hay nhiều dự án có cùng mục tiêu và nội dung được thực hiện trên cùng một địa bàn, nhằm huy động tối đa các nguồn vốn cho mục tiêu, nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất; giảm thiểu sự chồng chéo, trùng lặp, manh mún trong tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình.

b) Lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong Chương trình tại địa phương phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất: từ khâu xây dựng cơ chế lồng ghép; xây dựng kế hoạch thực hiện; phân bổ, giao dự toán ngân sách; sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn; giám sát, đánh giá kết quả hoàn thành mục tiêu từng dự án.

c) Quá trình thực hiện lồng ghép nguồn vốn phải đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, tiêu chí, cơ cấu nguồn vốn và nhiệm vụ của từng dự án.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung, định mức, quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán nguồn vốn lồng ghép thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong Chương trình tại địa phương theo thẩm quyền được phân cấp.

4. Nguồn vốn vay tín dụng chính sách

a) Các đối tượng tham gia vào chuỗi giá trị được vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định hiện hành:

- Đối với hộ nghèo, cận nghèo: Mức vay tối đa không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định, lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo hộ nghèo, hộ cận nghèo từng thời kỳ.

- Đối với hộ không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào DTTS & MN: Mức vay tối đa không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hộ mới thoát nghèo, lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ mới thoát nghèo.

- Đối với doanh nghiệp, HTX: Mức cho vay tối đa không vượt quá mức cho vay tối đa quy định đối với cơ sở sản xuất kinh doanh và lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Thời hạn vay không quá 5 năm.

b) Các doanh nghiệp, HTX tham gia chuỗi giá trị được vay vốn tín dụng theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

5. Huy động các nguồn vốn khác

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hỗ trợ, tài trợ các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn vùng dự án.

6. Định mức hỗ trợ

Định mức hỗ trợ đối với từng đối tượng, dự án cụ thể thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

VIII. QUY TRÌNH KIỂM TRA, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DỰ ÁN

1. Đối với các dự án trên địa bàn cấp xã

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả đối với tất cả các dự án triển khai trên địa bàn xã.

- Đối với các dự án cấp xã làm chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả các dự án; định kỳ 6 tháng tiến hành kiểm tra giữa kỳ về tiến độ, kết quả các dự án; tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả của năm thực hiện; kết thúc dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án, đồng thời tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các dự án trên địa bàn cấp huyện

- Phòng Dân tộc cấp huyện có trách nhiệm thực hiện, phối hợp, chỉ đạo và hướng dẫn việc theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả với tất cả các dự án triển khai trên địa bàn huyện.

- Đối với các dự án cấp huyện làm chủ đầu tư, Phòng Dân tộc cấp huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả dự án; định kỳ 6 tháng, Phòng Dân tộc cấp huyện tiến hành kiểm tra giữa kỳ về tiến độ, kết quả các dự án, tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả của năm thực hiện đối với các dự án; kết thúc dự án, Phòng Dân tộc cấp huyện tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án, đồng thời tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các dự án trên địa bàn cấp tỉnh

- Ban Dân tộc tỉnh cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện, phối hợp, chỉ đạo và hướng dẫn việc theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả với tất cả các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Đối với các dự án cấp tỉnh làm chủ đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả các dự án; định kỳ 6 tháng, Ban Dân tộc cấp tỉnh tiến hành kiểm tra giữa kỳ về tiến độ, kết quả các Dự án, tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả của năm thực hiện đối với các dự án; kết thúc dự án, Ban Dân tộc cấp tỉnh tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án, đồng thời tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các dự án có tính đặc trưng, các dự án thí điểm, dự án mẫu, dự án chỉ đạo điểm

Các cơ quan trung ương chủ trì triển khai dự án, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các địa phương theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả các dự án; định kỳ 6 tháng tiến hành kiểm tra giữa kỳ về tiến độ, kết quả các Dự án; tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả của năm thực hiện đối với các dự án; kết thúc dự án,

tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án, đồng thời tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng (nếu có) theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung, phương pháp theo dõi, kiểm tra và đánh giá

Thực hiện theo các quy định về kiểm tra, theo dõi và đánh giá của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan chủ trì (Tiểu dự án 3.2.1. thuộc Dự án 3) tổ chức thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định, đạt các mục tiêu và chỉ tiêu Chương trình đã đề ra.

- Ủy ban Dân tộc là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất (Tiểu dự án 3.2.1. thuộc Dự án 3) trên địa bàn cả nước.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh là đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện (Tiểu dự án 3.2.1. thuộc Dự án 3) ở địa phương.

Phụ lục 1:

**MẪU: DANH MỤC DỰ ÁN/ĐỀ XUẤT DANH MỤC DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

TT	Tên dự án	Loại hình dự án thực hiện	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Phạm vi thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư

Ghi chú:

- Loại hình dự án thực hiện: ghi rõ một trong 4 loại hình dự án.
- Mục tiêu dự án: nêu những mục tiêu cơ bản của dự án.
- Nội dung dự án: nêu rõ các nội dung hỗ trợ mà dự án sẽ thực hiện.
- Phạm vi thực hiện: nêu rõ về địa bàn triển khai dự án (thôn, xã, huyện).
- Thời gian thực hiện: ghi rõ năm.
- Chủ đầu tư: ghi rõ cấp nào làm chủ đầu tư.
- Mẫu này được sử dụng cho cả các dự án được yêu cầu bổ sung, điều chỉnh.